

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

BÙI THỊ THU HIỀN*

Đảng và Nhà nước luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ trí thức khoa học công nghệ, và đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm thu hút, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức lĩnh vực khoa học công nghệ. Từ thực trạng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ở Việt Nam hiện nay, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu làm nền tảng để đất nước nâng tầm và hội nhập toàn cầu.

Từ khóa: trí thức; đào tạo, bồi dưỡng trí thức; trí thức trong lĩnh vực khoa học công nghệ

Nhận bài ngày: 30/3/2023; đưa vào biên tập: 03/4/2023; phản biện: 20/7/2023; duyệt đăng: 11/8/2023

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại phát triển của cuộc cách mạng 4.0 được đặc trưng bởi các công nghệ điện toán, trí tuệ nhân tạo đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc, toàn diện trong đời sống xã hội thì nguồn lực con người, đặc biệt là đội ngũ trí thức khoa học công nghệ đóng vai trò then chốt, quyết định trong việc sáng tạo, tiếp nhận và biến tri thức thành lực lượng sản xuất. Nhận thức được vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức là “vốn liếng quý báu của dân tộc” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 5: 184), Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách

phù hợp để đội ngũ trí thức phát triển nhanh về số lượng, nâng cao về chất lượng, phát huy mạnh mẽ vai trò quan trọng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” đã khẳng định: “Trong mọi thời đại, tri thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững”. Đại

* Ban Đào tạo - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

hội lần thứ XIII của Đảng đã đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới. Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, nhất là các nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học có khả năng chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt quan trọng. Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 123). Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế, với định hướng trở thành nền kinh tế trí thức, có cơ cấu kinh tế hiện đại thì phải xem khoa học và công nghệ là đòn bẩy quan trọng trong quá trình chuyển đổi này. Vì vậy việc quan tâm xây dựng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ là vấn đề quan trọng hàng đầu. Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ là đề cập đến đào tạo và bồi dưỡng trí thức, đến chế độ đãi ngộ, thu hút và sử dụng một cách phù hợp, tạo mọi điều kiện tốt nhất để đội ngũ trí thức phát huy được vai trò của mình trong

thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong đó, đào tạo, bồi dưỡng để phát triển đội ngũ trí thức khoa học công nghệ lớn mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới là vấn đề vừa có tính cấp bách vừa mang tầm chiến lược.

2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

Trí thức là “người chuyên làm việc lao động trí óc và có tri thức chuyên môn cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của mình” (Hoàng Phê, 1992: 1015). *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2005: 852) chỉ rõ: “Trí thức là tầng lớp xã hội làm nghề lao động trí óc, trong đó, bộ phận chủ yếu là người có trình độ học vấn cao, hiểu biết sâu rộng về chuyên môn của mình, có sáng tạo và phát minh. Trí thức bao gồm các nhà khoa học, thầy giáo, thầy thuốc, luật sư, nhà văn,...”. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008: 81) nhấn mạnh: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”.

Trí thức khoa học công nghệ là một bộ phận của đội ngũ trí thức Việt Nam. Đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ là lực lượng trí thức hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, từ người nghiên cứu đến giảng dạy, từ nghiên cứu cơ bản, lý thuyết đến nghiên cứu ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ... Họ là đội ngũ tiếp thu những thành tựu khoa học

và công nghệ mới nhất trên thế giới cũng như trong nước, trên cơ sở đó, hình thành năng lực sáng tạo ra những sản phẩm mới và đóng góp ngày càng nhiều hơn cả về lý thuyết cũng như công nghệ ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống (Nguyễn Hữu Tăng, 2007: 13-14).

Đào tạo, bồi dưỡng được xem là quá trình nâng cao năng lực của lực lượng lao động, giúp họ thích nghi với môi trường nghề nghiệp, nâng cao khả năng hoàn thành các nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất. *Đào tạo, bồi dưỡng trí thức khoa học công nghệ* là quá trình trang bị cho đội ngũ trí thức tri thức khoa học công nghệ dưới các hình thức khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu công tác của các cá nhân, tổ chức và thời đại. Trong kỷ nguyên số, khoa học công nghệ có những bước tiến mạnh mẽ theo từng ngày, từng giờ, đội ngũ trí thức khoa học công nghệ cần không ngừng tiếp cận, nâng cao tri thức để tránh tụt hậu. Vì vậy mà hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức lĩnh vực khoa học công nghệ là quá trình diễn ra thường xuyên để tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, và đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện để đội ngũ trí thức

phát triển và hoạt động sáng tạo. Trong đó, đã ban hành nhiều chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ trí thức khoa học công nghệ làm công tác giáo dục, đào tạo; chính sách đặt hàng nhà nước đối với đào tạo trí thức khoa học công nghệ hoặc các chính sách đầu tư tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm...

Trước hết, Nhà nước đã thể chế hóa và hoàn thiện các chính sách chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, trí thức khoa học công nghệ có trình độ tiến sĩ, giáo sư đầu ngành trong cơ sở giáo dục đại học; tạo điều kiện để họ học tập, nghiên cứu khoa học. Xuất phát từ mục tiêu quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, Đảng, Nhà nước đã ban hành các đề án nhằm mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu nước ngoài hoặc phối hợp với nước ngoài để đào tạo, như Quyết định số 322/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/4/2000 phê duyệt Đề án “Đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước” (gọi tắt là Đề án 322 ngày 25/12/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2395/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước” (gọi tắt là Đề án 2395)... Mục

tiêu của các đề án này là nhằm góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý, nghiên cứu, tiếp thu, làm chủ, phát triển công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại của đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ, hình thành lực lượng chuyên gia khoa học và công nghệ trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước... Đồng thời, để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, nâng số lượng cán bộ có trình độ tiến sĩ, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đào tạo, bồi dưỡng như: Bộ Chính trị đã phê duyệt Đề án 165 (ngày 27/6/2008) về “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước” của Ban Tổ chức Trung ương đã dành hàng trăm tỷ đồng mỗi năm để gửi nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên đại học đi đào tạo ở nước ngoài; Bộ Chính trị ra thông báo số 165-TB/TW về Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước” (gọi tắt là Đề án 165); ngày 07/6/2010 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định phê duyệt Đề án 911 về “Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020”; Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030” (Đề án 89 ngày

18/01/2019) với mục tiêu cụ thể của đề án là đào tạo trình độ tiến sĩ cho khoảng 10% giảng viên đại học, bảo đảm về chất lượng, hợp lý về cơ cấu, trong đó 7% giảng viên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài; 3% giảng viên được đào tạo trong nước và phối hợp giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học nước ngoài... Việc triển khai và thực hiện các mục tiêu của các đề án này đã góp phần đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ, trong đó tập trung vào các lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ mới và công nghệ cao dành cho đối tượng là các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, nhân lực quản lý khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức khoa học và công nghệ và doanh nghiệp tại Việt Nam.

Có thể nói, các chính sách, chủ trương đào tạo, bồi dưỡng của Nhà nước đối với trí thức khoa học công nghệ được ban hành và triển khai trong thời gian qua khá phong phú, với nhiều chính sách ưu đãi đặc biệt về tài chính, chế độ học tập và làm việc. Việc đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ đã làm đội ngũ trí thức khoa học công nghệ của nước ta phát triển nhanh về số lượng và nâng cao về chất lượng. Đội ngũ trí thức khoa học công nghệ của Việt Nam tính đến năm 2019, cả nước có 185.436 người tham gia các hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó số nhân lực làm việc trong các tổ chức giáo dục đại học chiếm gần 52%,

tiếp đến là các tổ chức nghiên cứu và phát triển chiếm 17,84% và các doanh nghiệp khoa học công nghệ chiếm 15,25% (Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, 2019). Xét theo cơ cấu về trình độ học vấn, trong hệ thống giáo dục đại học, số lượng nhân lực có trình độ từ tiến sĩ trở lên đã tăng qua các năm. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm 2021, tổng số giảng viên làm việc toàn thời gian của cả nước là hơn 85.000 người. Trong đó, số giảng viên chức danh giáo sư là 757 người, chiếm tỷ lệ chỉ 0,89%; số giảng viên có chức danh phó giáo sư chiếm 6,21%; số giảng viên có học vị tiến sĩ là 25,19%; số giảng viên có trình độ thạc sĩ chiếm tỷ lệ đông nhất với 60,35% và có trình độ đại học là 7,36% (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Trong giai đoạn từ 2015 - 2019, tỷ lệ nhân lực nghiên cứu có trình độ trên đại học (tiến sĩ, thạc sĩ) trong tổng số cán bộ nghiên cứu đã tăng từ gần 50% lên gần 57,3% (2019). Trong đó, tỷ lệ cán bộ nghiên cứu có trình độ cao (tiến sĩ) tăng nhanh từ khoảng 11 lên 15% (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022: 170). Đồng thời, với trình độ đào tạo ngày càng được nâng cao, đội ngũ trí thức tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, thông qua các công trình nghiên cứu, dự án, đề án, đặc biệt là các hoạt động khoa học có tính ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đội ngũ trí thức khoa học công nghệ trong các tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ phần lớn có kỹ năng nghề

nghiep tốt, là lực lượng nòng cốt trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, tích cực đóng góp tài năng, trí tuệ và chất xám phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kết quả này phản ánh sự hiệu quả của các chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ của Đảng và Nhà nước và cho thấy: “Công tác đào tạo nhân lực đã có những thay đổi theo hướng tập trung nâng cao chất lượng; đào tạo gắn kết với nhu cầu lao động của địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động; bước đầu áp dụng các phương pháp đào tạo của các tổ chức đào tạo nhân lực quốc tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 2: 34).

Mặc dù chính sách đào tạo, bồi dưỡng trí thức khoa học công nghệ đã đạt được những thành tựu quan trọng và những đóng góp của đội ngũ này đối với đất nước và các địa phương trong những năm qua là không thể phủ nhận; song, công tác đào tạo, sử dụng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập.

Số lượng đội ngũ trí thức tăng nhanh, nhưng chất lượng không cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Cơ cấu đội ngũ trí thức còn bất hợp lý về ngành nghề, độ tuổi, giới tính... Những bậc hiền tài, các chuyên gia đầu ngành còn ít; chưa có nhiều tập thể nghiên

cứu mạnh và các nhà khoa học tầm cỡ khu vực và quốc tế. Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ được công bố trên diễn đàn quốc tế còn hạn chế. Trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật, nhất là khoa học xã hội và nhân văn, số bài nghiên cứu được công bố trên các tạp chí uy tín thế giới còn ít... (Đức Vương, 2014: 103-104). Trong khi đó, môi trường làm việc của trí thức chưa thật thuận lợi cho giảng dạy, nghiên cứu và sáng tạo; điều kiện và phương tiện làm việc rất kém so với các nước trong khu vực; “chế độ đãi ngộ trí thức chưa thỏa đáng. Họ làm việc quá nhiều mà lương lại thấp, ảnh hưởng rất nhiều đến việc nghiên cứu và giảng dạy” (Đức Vương, 2014: 105).

Nguyên nhân của thực trạng trên thì có nhiều, song chủ yếu vẫn là:

- *Thứ nhất*, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang phát triển, còn ở trình độ thấp, nhiều mặt chưa đồng bộ và hoàn thiện nên nhu cầu áp dụng khoa học công nghệ hiện đại chưa thực sự lớn và cấp bách; mặt khác trình độ khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo chưa cao. Do vậy, việc kết hợp lý luận với thực tiễn, nhất là ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa nhiều. Tất cả những điều đó đều ảnh hưởng đến việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ở nước ta. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực

sự là động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội... Chưa khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển được nhiều các phát minh, sáng chế trở thành sản phẩm cuối cùng và thương mại hóa. Các hoạt động nghiên cứu khoa học mới tập trung vào các trung tâm, viện nghiên cứu, tính ứng dụng chưa cao; chưa có cơ chế để phát huy tính sáng tạo và khả năng nghiên cứu khoa học trong xã hội” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 2: 70-71).

Và, “Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế, thiếu thể chế về tài chính... Đầu tư cho khoa học và công nghệ còn thấp, hiệu quả chưa cao, năng lực sáng tạo của các nhà khoa học chưa được phát huy....” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 82-83).

- *Thứ hai*, nguồn lực đầu tư tài chính cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học - công nghệ còn hạn chế, do vậy chưa tạo điều kiện tối đa về chế độ đãi ngộ, môi trường làm việc và tính tự chủ để đội ngũ trí thức phát huy tối đa năng lực và hoạt động sáng tạo của mình. Đồng thời, cách đầu tư dàn trải như hiện nay, chưa xây dựng được các nhóm nghiên cứu tiêu biểu nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu đỉnh cao, phục vụ cộng đồng cũng như nâng cao thành tích công bố đỉnh cao của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ. Trí thức khoa học công nghệ là đòn bẩy cho quá

trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, để Việt Nam có thể bắt kịp với thế giới, tuy nhiên khi so sánh tỷ lệ chi quốc gia cho khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và các nước thì tỷ lệ đầu tư của Việt Nam còn khá khiêm tốn:

Bảng 1. Chi quốc gia cho nghiên cứu và phát triển của Việt Nam và một số nước, khu vực năm 2019

Tên quốc gia, khu vực	Tổng chi NC&PT (triệu USD PPP)	Tỷ lệ chi NC&PT	Bình quân chi NC&PT/FTE (USD PPP)
EU	434.660	2,1	234.563
Hoa Kỳ	678.596	3,18	427.732
LB Nga	45.687	1,04	114.028
Trung Quốc	526.222	2,23	249.458
Nhật Bản	172.137	3,21	252.467
Hàn Quốc	102.988	4,63	239.123
Singapore	11.060	1,89	261.497
Malaysia	9.250	1,44	134.292
Indonesia	7.051	0,24	121.958
Việt Nam	4.297,76	0,53	58.880

NC&PT: nghiên cứu và phát triển
Nguồn: Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022: 170.

Trong khi đầu tư cho khoa học - công nghệ còn thấp lại dần trải nên hiệu quả không cao, thì nhà nước vẫn “chưa có chính sách hợp lý về vay vốn, thuế, hỗ trợ phát triển, tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ. Hệ thống thông tin, thống kê khoa học và công nghệ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phục vụ xây dựng các chiến lược, chính sách. Bảo hộ sở hữu trí tuệ chưa đạt yêu cầu, chưa gắn kết chặt chẽ giữa khoa học tự nhiên, khoa học - công nghệ và khoa học xã hội - nhân văn, khoa học lý luận chính trị để phục vụ phát triển nhanh và bền vững đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tập 1: 83-84).

- Thứ ba, cơ sở vật chất - kỹ thuật (các phòng thí nghiệm, máy móc,

phương tiện, tài liệu,...) phục vụ cho nghiên cứu và đào tạo còn thiếu và yếu; môi trường làm việc chưa thực sự thuận lợi cho hoạt động sáng tạo khoa học; trong đó, lương của cán bộ nghiên cứu và giảng dạy khá thấp; ... làm ảnh hưởng không tốt đến chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lực lượng trí thức khoa học - công nghệ và hiệu quả công việc (Nguyễn Thế Nghĩa, 2017: 149-177).

Đóng vai trò động lực, đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đội ngũ trí thức khoa học công nghệ là lực lượng sản xuất trực tiếp trên các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng, triển khai công nghệ tiên

tiến và các dịch vụ khoa học, công nghệ khác đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ mới của thời kỳ thời kỳ phát triển mới của đất nước và hội nhập quốc tế. Để chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ ngày càng hiệu quả, theo chúng tôi, trong thời gian tới cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí vai trò của khoa học - công nghệ và trí thức khoa học trong sự nghiệp xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chỉ khi nhận thức đúng về vai trò của đội ngũ trí thức thì các địa phương, cơ quan, tổ chức, xã hội mới coi công tác đào tạo, đãi ngộ đội ngũ trí thức khoa học công nghệ là công tác quan trọng đặc biệt. Đồng thời, bản thân mỗi người trí thức khoa học công nghệ cũng cần tự ý thức về vị trí và vai trò của mình trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, trên cơ sở đó có ý thức tự đào tạo, tự bồi dưỡng, trau dồi kiến thức chuyên môn và các năng lực nghiên cứu, ứng dụng, triển khai khoa học công nghệ của đất nước. Bên cạnh đó, trong các chiến lược và chính sách quốc gia, cần coi đầu tư cho phát triển trí thức khoa học công nghệ là đầu tư cho phát triển có tầm quan trọng hàng đầu và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay vì họ là đội ngũ gánh vác trách nhiệm tiếp nhận và chuyển giao tri thức khoa học công nghệ tiên tiến của thế giới vào Việt Nam.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện chiến lược quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức lĩnh vực khoa học công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số. Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm đến xây dựng đội ngũ trí thức và đã ban hành một số chủ trương, chính sách quan hệ đến trí thức, tạo điều kiện để trí thức phát triển và hoạt động sáng tạo. Tuy nhiên, các chủ trương, chính sách đó còn thiếu đồng bộ từ trung ương đến địa phương, chưa phát huy được tối đa sức mạnh của đội ngũ trí thức khoa học công nghệ. Trong giai đoạn hiện nay, để hoàn thành mục tiêu Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số với định hướng là xây dựng Chính phủ số và kinh tế - xã hội số, Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đến đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức lĩnh vực khoa học công nghệ với những chính sách, chương trình đặt hàng cụ thể. Đã đến lúc Đảng và Nhà nước cần xây dựng một chiến lược thống nhất để giải quyết một cách căn bản hơn những vấn đề liên quan đến trí thức phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển mới. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng và phức tạp, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng với một tư duy đột phá và tầm nhìn lâu dài, phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp để xây dựng phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và quá trình chuyển đổi số.

Thứ ba, tiếp tục quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW của Ban

chấp hành Trung ương Đảng khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trong đó, chú trọng xây dựng các viện nghiên cứu mạnh và đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia khoa học đầu ngành, các “thủ lĩnh khoa học”. Trong giáo dục - đào tạo, cần chú trọng xây dựng “Đại học nghiên cứu” (trường đại học vừa là trung tâm đào tạo, huấn luyện vừa là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, lại vừa là nơi ứng dụng công nghệ và sản xuất sản phẩm hàng hóa); đồng thời từng bước chuyển sang “Đại học tự chủ” (tự chủ về cơ sở vật chất - kỹ thuật, tự chủ về tài chính, tự chủ về nguồn nhân lực, tự chủ về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, huấn luyện...).

Thứ tư, tạo lập môi trường nghiên cứu khoa học, công nghệ thuận lợi, hiện đại để phát huy vai trò của trí thức. Môi trường nghiên cứu khoa học thuận lợi mới tạo ra kết quả nghiên cứu có giá trị thực tiễn và hiệu quả. Nếu chỉ là kết quả trên lý thuyết mà không có môi trường ứng dụng, thực nghiệm, kiểm nghiệm thì chưa mang lại giá trị thực tiễn và giá trị kinh tế. Do đó, việc đầu tư vào các trang thiết bị, phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất... cho giới trí thức được nghiên cứu khoa học trong những môi trường hiện đại, tiên tiến, thuận lợi sẽ là

nguồn động lực thúc đẩy họ tham gia vào khoa học, công nghệ nhiệt huyết hơn. Bên cạnh đó, chú trọng sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức. Giới trí thức được đặt hàng cử đi đào tạo, bồi dưỡng về khoa học công nghệ, sau khi học xong trở về các cấp, các ngành, các đơn vị, địa phương cần có chính sách đãi ngộ và sử dụng hợp lý. Kết quả nghiên cứu của trí thức cần được ứng dụng và khen thưởng để khuyến khích họ tiếp tục nghiên cứu. Không nên chỉ ghi nhận và “cắt ngăn kéo” những đề tài nghiên cứu, kết quả nghiên cứu... mà cần triển khai, nhân rộng, ứng dụng vào thực tiễn. Đồng thời, tăng cường nguồn lực tài chính cho trí thức trong lĩnh vực khoa học, công nghệ. Ngân sách cho khoa học và công nghệ nhà nước cấp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo luôn ở mức thấp, trong khi nhu cầu hỗ trợ nghiên cứu và tiềm lực và nhân lực khoa học và công nghệ của các trường đại học lại rất cao. Nhà nước cần có những chính sách về tài chính hợp lý cho các nhóm nghiên cứu khoa học công nghệ mạnh, cho các đề tài, dự án cho cán bộ trí thức khoa học công nghệ... để họ có thể toàn tâm cho khoa học công nghệ mà không bị mối lo về cơm áo, gạo tiền chi phối. Có như vậy, chất lượng nghiên cứu khoa học mới đáp ứng được những mục tiêu đề ra của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn sắp tới.

Thứ năm, Nhà nước phải bảo đảm lương cho đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ đủ sống; tăng kinh phí cho

giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học - công nghệ; tăng cường về đặt hàng các đề tài nghiên cứu và khoán kinh phí cho chủ nhiệm đề tài; song song với đơn giản hóa các thủ tục thanh quyết toán kinh phí đề tài khoa học phải tiến hành việc phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và tiêu cực trong giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, cần tăng cường việc đãi ngộ, tôn vinh trí thức một cách khách quan, công bằng và minh bạch.

4. KẾT LUẬN

Việc xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức khoa học công nghệ hùng mạnh chính là yếu tố quyết định cho sự thành bại của đất nước trong quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên số hiện nay. Do vậy, đào tạo, bồi dưỡng là công tác đặc biệt quan trọng nhằm chuyển hóa nhân lực khoa học công nghệ trở thành chủ thể then chốt trong chiến lược quốc gia. Cần thực hiện đồng bộ các giải pháp từ

nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức trong bối cảnh hội nhập quốc tế đến việc xây dựng và hoàn thiện chiến lược quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức lĩnh vực khoa học công nghệ. Đồng thời, cần có một chính sách rõ ràng về đặt hàng Nhà nước đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức khoa học công nghệ để tạo hành lang pháp lý cho các bên liên quan triển khai hiệu quả việc đào tạo đặt hàng trên thực tế phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương, của đất nước. Tạo lập môi trường nghiên cứu khoa học, công nghệ thuận lợi, hiện đại để phát huy vai trò của trí thức, chú trọng sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức và tăng cường nguồn lực tài chính cho việc đào tạo, bồi dưỡng trí thức khoa học công nghệ cũng là những giải pháp quan trọng để đội ngũ trí thức phát huy tối đa năng lực và đóng góp nhiều giá trị, tạo sự đột phá cho phát triển của Việt Nam trong thời gian tới. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương. 2008. *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6 tháng 8 năm 2008 về “Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*. Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ. 2022. *Khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam năm 2021*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Kỹ thuật.
3. Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia. 2019. *Báo cáo số liệu Điều tra khảo sát về khoa học và công nghệ Việt Nam*. Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2008. *Văn kiện Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương khóa X*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII – tập 1, 2*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.

6. Đức Vượng. 2014. *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức ở Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
7. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
8. Hoàng Phê (chủ biên). 1992. *Từ điển tiếng Việt*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
9. <https://www.moet.gov.vn/thong-ke/Pages/so-lieu-giao-duc-dai-hoc>, truy cập ngày 3/7/2023.
10. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. 2005. *Từ điển bách khoa Việt Nam – tập 4*. Hà Nội: Nxb. Từ điển Bách khoa.
11. Nguyễn Hữu Tăng (chủ nhiệm). 2007. *Báo cáo tổng kết đề tài cấp nhà nước Đổi mới chính sách đối với trí thức khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Hà Nội.
12. Nguyễn Thế Nghĩa. 2017. *Báo cáo tổng hợp, “Xây dựng đội ngũ trí thức khoa học - công nghệ ở TPHCM trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*. Đề tài khoa học và công nghệ, TPHCM.
13. Trần Thị Vân Hoa. 2023. “Một số vấn đề về xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X”. <https://hdl.vn>mot-so-van-de-ve-xay-dung-doi-ngu-tri-thuc-phuc-vu-CNH-HDH-dat-nuoc-theo-tinh-than-nghi-quyet-trung-uong-7-khoa-x>, truy cập ngày 3/7/2023.